Chi tiết mã HS 2914.50.00

Mã HS	2914.50.00
Mô tả hàng hóa	Xeton và quinon, có hoặc không có chức oxy khác, và các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của chúng / - Phenol-xeton và xeton có chức oxy khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 20:06:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29145000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4033
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4033
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4033
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3978
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3939
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3939
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3939
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3939
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3939
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3939
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3977
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3977

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3977
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3977
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3977
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3977
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3981
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3981
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3981
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3981
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3981
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3981
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3981
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3945
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3941
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3941
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3941
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3941
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3941
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3941
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3941
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3941
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3941
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3941
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3941
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3941
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3988
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3988

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3988
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3988
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3988
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3988
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3985
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3985
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3985
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3985
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3985
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3985
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3993
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3993
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3993
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3993
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3993
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3993
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3964
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3964
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3964
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3964
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3964
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3964
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3966
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3966
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3966
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3966

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3966
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3966
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3964
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3964
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3964
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3964
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3964
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3964
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3964
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3985
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3985
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3985
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3985
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3985
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3985
RCEP B	2022	2022	0	B!D3985
RCEP B	2023	2023	0	B!E3985
RCEP B	2024	2024	0	B!F3985
RCEP B	2025	2025	0	B!G3985
RCEP B	2026	2026	0	B!H3985
RCEP B	2027	2027	0	B!I3985
RCEP C	2022	2022	0	C!D3985
RCEP C	2023	2023	0	C!E3985
RCEP C	2024	2024	0	C!F3985
RCEP C	2025	2025	0	C!G3985
RCEP C	2026	2026	0	C!H3985

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3985
RCEP D	2022	2022	0	D!D3985
RCEP D	2023	2023	0	D!E3985
RCEP D	2024	2024	0	D!F3985
RCEP D	2025	2025	0	D!G3985
RCEP D	2026	2026	0	D!H3985
RCEP D	2027	2027	0	D!I3985
RCEP E	2022	2022	0	E!D3988
RCEP E	2023	2023	0	E!E3988
RCEP E	2024	2024	0	E!F3988
RCEP E	2025	2025	0	E!G3988
RCEP E	2026	2026	0	E!H3988
RCEP E	2027	2027	0	E!I3988
RCEP F	2022	2022	0	F!D3985
RCEP F	2023	2023	0	F!E3985
RCEP F	2024	2024	0	F!F3985
RCEP F	2025	2025	0	F!G3985
RCEP F	2026	2026	0	F!H3985
RCEP F	2027	2027	0	F!I3985
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3658
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3658
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3658
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3658

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2914.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2914.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4033), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.